

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25- 12 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa;
2. Ông Trần Thành Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cẩm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 16/2025/TLST – HNGĐ, ngày 16/10/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX - ST ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản P, xã CS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò N1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản P, xã CS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại bản P, xã CS, tỉnh Sơn La cho đến khi ly thân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng hay đi làm thuê ở xa nhau, quan điểm sống khác nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, hôn nhân đến nay không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nghiệp.

Về con chung: Chị N và anh N1 có với nhau hai người con chung là Lò H, sinh ngày 22/10/2008 và Lò H2, sinh ngày 16/05/2011. Con Lò H hiện đã nghỉ học và đi làm thuê có thu nhập tự nuôi bản thân nên không đề nghị giải quyết việc nuôi con Lò H, đối với con Lò H2 hiện đang học lớp 9 – Trường THCS CS, Sơn La. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con Lò H2 và không yêu cầu anh Nq cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng nếu anh N1 có nguyện vọng nuôi con Lò H2 thì chị cũng nhất trí và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị N không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến trình bày của anh Lò N1 tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2025 và tại phiên toà: Anh và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng cùng đi làm thuê thì phát sinh mâu thuẫn do vợ không cho quan hệ, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh N1 mới thường xuyên đi uống rượu khiến vợ chồng gây gổ đánh nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Nay chị Ngoai xin ly hôn thì anh chưa nhất trí vì vẫn còn tình cảm với vợ. Về con chung: Anh xác nhận anh và chị Ngoai có hai người con chung như chị Ngoai trình bày, đối với con Lò H đã nghỉ học và hiện đang đi làm thuê kiếm tiền nuôi bản thân. Còn Lò H2 đang ở với chị Ngoai, sau khi ly hôn anh N1 đề nghị được trực tiếp nuôi con Lò H và nhất trí để chị Ngoai trực tiếp nuôi dưỡng con Lò H2 theo quy định. Anh N1 không yêu cầu chị Ngoai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nghiệp không ý kiến gì, nhất trí theo ý kiến của chị Ngoai.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Quàng Thị N và anh Lò N1 tại địa phương, xác định: Chị Ngoai và anh Nghiệp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, tỉnh Sơn La. Chị N và anh N1 có với nhau hai người con chung, hai vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại không còn sống chung, các con cháu Lò H hiện đã nghỉ học ở đang ở với anh Nghiệp nhưng đang đi làm thuê ở xa, còn cháu Lò H2 đang ở với chị Ngoai. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Ngoai và anh Nghiệp cụ thể thì ban quản lý bản không rõ vì chưa được hoà giải mâu thuẫn lần nào. Về vấn đề tài sản, nợ của chị Ngoai và anh N1 thì địa phương không nắm rõ vì không thấy ai có đơn hoặc phản ánh gì. Về điều kiện kinh tế chị Ngoai và anh N1 như nhau, đều có thu nhập chính từ việc làm nông nghiệp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tại phiên toà:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án của Toà án nhân dân khu vực 3 – Sơn La tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa

hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt nên căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quàng Thị N xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò N1.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị N ly hôn anh Lò N1.

Về con chung: Giao con Lò H, sinh ngày 22/10/2008 cho anh Lò N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con Lò H2, sinh ngày 16/5/2011 cho chị Quàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Quàng Thị N và anh Lò N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không được ai cản trở. Chị N và anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh N1 đều không kê khai, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị Quàng Thị N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Sơn La, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Quàng Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Lò N1 nên xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò N1 cư trú tại xã CS, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

- Về thủ tục hoà giải theo tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đảm bảo theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Quàng Thị N và anh Lò N1 kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã CS, tỉnh Sơn La) vào ngày 16/01/2008. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Ngoai và anh Nghiệp là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Quàng Thị N và anh Lò N1 có mâu thuẫn, hiện tại chị Ngoai và anh Nghiệp không còn tồn tại cuộc sống chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị N ly hôn anh N1 là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị N và anh Lò N1 có hai người con chung Lò H, sinh ngày 22/10/2008 và Lò H2, sinh ngày 16/05/2011, chị Ngoai có ý kiến đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con Lò H2 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh Nghiệp có ý kiến đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Lò H cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Chị Ngoai và anh Nghiệp đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kết quả ghi nhận ý kiến của cháu Lò H2 cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Quàng Thị N, còn cháu Lò H do cháu không có mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu Lò H, tuy nhiên hiện tại cháu Lò H đang trực tiếp sinh sống với bố là anh Lò N1. Do vậy, để không gây xáo trộn cuộc sống và quyền được sống với người trực tiếp nuôi dưỡng của trẻ nhỏ cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao con Lò H cho anh Lò N1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giao con Lò H2 cho chị Quàng Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn kê khai nên không yêu cầu Tòa giải quyết do vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Quàng Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Quàng Thị N đối với anh Lò N1.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị N ly hôn anh Lò N1.

- Về con chung: Giao con Lò H, sinh ngày 22/10/2008 cho anh Lò N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con Lò H2, sinh ngày 16/5/2011 cho chị Quàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Quàng Thị N và anh Lò N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không được ai cản trở. Chị Ngoai và anh Nghiệp không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Quàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0000842 ngày 16/10/2025 được thay thế bằng Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000490 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lò N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 25/12/2025); chị Quàng Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND khu vực 3;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã CS;
- Phòng THADS khu vực 3 –Sơn La;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Thị Điệp

